

Nhân tố ảnh hưởng vốn vay từ nguồn tín dụng chính thức: Nghiên cứu nông hộ tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG *

Trường Đại học Bạc Liêu

Nhận bài: 14/07/2022 - Duyệt đăng: 15/10/2022

(*) Liên hệ: nguyenphuong@blu.edu.vn; ĐT: 0913779948

Tóm tắt:

Bạc Liêu là tỉnh nghèo. Dân cư chủ yếu sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, công nghiệp chưa phát triển, trình độ dân trí còn thấp, hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao. Vì vậy nghiên cứu vai trò của nguồn vốn cho nông hộ, xác định tầm quan trọng và hiệu quả vốn vay tín dụng trong nông hộ có ý nghĩa vô cùng quan trọng và cấp thiết. Đề tài sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay từ nguồn tín dụng chính thức của nông hộ. Kết quả phân tích cho thấy có mối liên hệ tuyến giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc với hệ số $R^2 = 46,33\%$. Qua kết quả mô hình cho thấy lượng vốn vay của nông hộ khi vay vốn bị ảnh hưởng bởi các biến như: bằng khoán, tổng chi tiêu, tổng tài sản, tổng thu nhập, tổng diện tích, tuổi của chủ hộ.

Từ khóa: Tín dụng chính thức, nông hộ, các nhân tố ảnh hưởng.

Abstract:

Bac Lieu Province is a poor province. Most of the population lives on agricultural production, farming and fishery. Industry has not developed, people's intellectual level is low and the poverty rate up higher. Therefore, studying the role of capital for agricultural households, identifying the importance and effectiveness of credit loans in households are extremely important and urgent. Subject using linear regression analysis to focus on factors that affect the amount of loans formal credit of household. Regression results show that online relationships between independent variables and the dependent variable coefficient $R^2 = 46,33\%$. The research result shows that the loan amount of households is affected by factors such as: expenditure total, assets total, income total, land area total and household head age.

Keywords: Formal credit, households, factors affecting.

1. Đặt vấn đề

Theo các lý thuyết hiện hành thì việc cung cấp tín dụng đến hộ gia đình ở nông thôn là một phần của tín dụng vi mô, bao gồm có tín dụng chính thức và tín dụng phi chính thức. Do các nguồn vốn khác bị hạn chế bởi một số nguyên nhân nên vốn tín dụng chính thức trở nên rất quan trọng đối với các nông hộ, việc nghiên cứu vai trò của nguồn vốn cho nông hộ, xác

định tầm quan trọng và hiệu quả vốn vay tín dụng trong nông hộ có ý nghĩa vô cùng quan trọng và cấp thiết. Giải quyết vấn đề vốn cho nông hộ và xem vốn là thành phần chủ yếu trong tiến trình đưa nông thôn đi lên có ý nghĩa vô cùng sâu sắc và to lớn không chỉ trong sự phát triển kinh tế nói riêng mà nó còn chiếm vị trí cực kỳ quan trọng trong sự phát triển xã hội tại Bạc Liêu (cổng thông tin điện tử Bạc

Liêu). Tuy nhiên, các nông hộ có những nguồn lực khác nhau, hiệu quả sử dụng vốn khác nhau và có nhu cầu vốn khác nhau. Chính vì vậy việc nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay chính thức của nông hộ tại tỉnh Bạc Liêu” trên cơ sở đề xuất một số ý kiến nhằm nâng cao lượng vốn vay và đáp ứng nhu cầu vay vốn là hết sức cần thiết.

2. Thực trạng về nhu cầu vay và lượng vốn vay từ tín dụng chính thức

2.1. Thực trạng về nhu cầu vay từ tín dụng chính thức

Bảng 1. Bảng cơ cấu nguồn vốn chính thức

Nguồn	Số hộ	%
NHNN _o & PTNT	50	33,33
NHCHXH	32	21,33
NHTM khác	4	2,67
QTDND	49	32,67
Hội nông dân	5	3,33
Hội phụ nữ	10	6,67
Tổng	150	100

Trong nguồn vốn chính thức nông hộ vay chủ yếu từ các NHNN_o & PTNT và QTDND, NHCSXH. Trong đó NHNN_o & PTNT có số hộ vay nhiều nhất với 50 hộ, chiếm tỷ lệ 33,33 %. Kế đến là QTDND với số hộ xin vay là 49 hộ, chiếm tỷ lệ 32,67%, thấp nhất là NHTM khác chỉ có 4 hộ vay tại đây, chiếm tỷ lệ 2,67%

2.2. Lượng vốn vay từ tín dụng chính thức

- Nguồn chính thức: NHNN_o & PTNT, NHCSXH và QTDND là các tổ chức tín dụng gắn liền với nông hộ, nông hộ vay chủ yếu từ các tổ chức này. Qua bảng số liệu trên, ta thấy lượng vốn vay trung bình của mỗi nông hộ từ NHNN_o & PTNT là 27,452 triệu đồng với kỳ hạn trung bình là 13,29 tháng và lãi suất trung bình là 1,1%/tháng. Kế đến là QTDND, QTDND thường đặt tại xã, thuận tiện cho việc đi lại cho nông dân, tuy lãi suất có cao hơn so với các tổ chức khác nhưng chính vì thuận tiện đi lại, nhanh gọn nên số hộ vay từ tổ chức này cũng khá cao với 49 hộ, lượng vốn vay trung bình của mỗi hộ nguồn này là khoảng 23 triệu đồng, lãi suất trung bình 1,2%/tháng. Qua điều tra từ thực tế cho thấy số hộ vay từ NHTM khác rất thấp, với 4 hộ vay từ NHTM khác mục đích chủ yếu là tiêu dùng sửa chữa nhà, mua xe nên lượng vốn vay của mỗi hộ từ nguồn này đến 94 triệu và thời gian trả nợ cũng cao hơn so với các mục đích khác nên kỳ hạn trung bình từ nguồn này là 16,5 tháng.

2.3. Mô hình hồi quy tuyến tính các yếu tố ảnh hưởng lượng vốn vay

Kết quả trên ta thấy Hệ số $R^2 = 0,4633$ có nghĩa 46,33% sự biến thiên của lượng vốn vay có thể được giải thích từ mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập.

Qua kết quả ta thấy: $\text{sig.F} = 0,000$ rất nhỏ so với $\alpha = 1\%$ điều này khẳng định phương trình hồi quy có ý nghĩa.

Trong kết quả của mô hình, có sáu biến có ý nghĩa ở mức ý nghĩa thống kê khác nhau ở nguồn vay chính thức. Ta có thể nhận xét sự ảnh hưởng của các biến như sau:

Biến tổng thu nhập có ý nghĩa thống kê ở mức 10% có tác động rất lớn đến lượng vốn vay từ nguồn chính thức. Hệ số hồi quy mang giá trị dương phù hợp với dấu kỳ vọng ban đầu. Thu nhập của các nông dân chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, thu nhập càng cao phản ánh hiệu quả sử dụng vốn vay càng cao. Khi thu nhập cao, nông dân trả nợ ngân hàng đúng hạn, giữ được uy tín với ngân hàng và tạo mối quan hệ tốt với ngân hàng thì việc vay vốn ngân hàng càng dễ dàng hơn.

Bảng 2: Tình hình lượng vốn vay, kỳ hạn và lãi suất.

Nguồn	Số hộ	Lượng vốn vay trung bình (1000 đ)	Kỳ hạn trung bình (tháng)	Lãi suất trung bình (%/tháng)
Chính thức				
NHNN _o & PTNT	50	27.452	13,29	1,10
NHCSXH	32	10.737	12,00	0,59
NHTM khác	4	94.250	16,5	1,06
QTDND	49	23.417	11,83	1,2
Hội nông dân	5	5.000	12	0,65
Hội phụ nữ	10	8.000	12	0,65

Bảng 3: Kết quả hồi quy tuyến tính cho những nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay

Nguồn chính thức		
	Hệ số	Giá trị P
Trình độ học vấn	1781,926	0,472
Tuổi chủ hộ	4806,286	0,006
Tổng diện tích	0,6566	0,009
Tổng thu nhập	0,1170	0,062
Tổng tài sản	-0,323	0,000
Tổng chi tiêu	0,1798	0,000
Số lao động chính	5047,429	0,292
Vị trí xã hội	-6372,783	0,151
Bảng khoán	5292,935	0,089
Tổng quan sát	150	
Pro > F	0,0000	
R - squared	0,4959	
R ²	0,4633 (46,33%)	

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra năm 2021

Tương tự như vậy, bằng khoán cũng có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Bằng khoán là vật thế chấp khi nông dân vay vốn, việc có bằng khoán hay không có ý tác động rất lớn đến lượng vốn vay.

Tổng tài sản cũng có ý nghĩa cao trong việc tác động lên lượng vốn vay từ nguồn chính thức ở mức ý nghĩa 1%. Điều này có nghĩa là những hộ có giá trị tài sản cao thường thích vay từ nguồn chính thức vì có lãi suất thấp hơn từ tín dụng phi chính thức.

Tổng diện tích đất của nông hộ cũng có ý nghĩa thống kê trong việc tác động lên lượng vốn vay từ nguồn chính thức với mức ý nghĩa 1%. Đối với từ nguồn chính thức, nông hộ có diện tích đất càng lớn sẽ dễ dàng nhận được món vay lớn từ ngân hàng. Đất là tài sản đi liền với nông dân, khi cho vay ngân hàng cũng dựa vào yếu tố này mà xét duyệt và ra quyết định cho vay.

Tổng chi tiêu có mức ý nghĩa 1%, điều này hoàn toàn phù hợp với mô hình. Hộ có chi tiêu càng nhiều, thì nhu cầu vay vốn càng cao và lượng vay vốn càng cao. Bên cạnh đó, biến tuổi chủ hộ cũng có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.

Có hai biến không có ý nghĩa trong mô hình hồi quy đó là trình độ học vấn và số lao động chính. Điều này có thể được giải thích rằng khi xét lượng vốn cho vay, ngân hàng không quan tâm đến các đặc điểm này.

3. Giải pháp nâng cao lượng vốn vay của nông hộ từ nguồn tín dụng chính thức.

Cần quan tâm mở rộng các hình thức cho vay kết hợp với chu kỳ sản xuất: Quy luật mùa vụ

nông thôn là nhân tố quyết định đến hiệu quả sử dụng đồng vốn vay của nông dân. Chính vì vậy, cần xác định thời hạn cho vay linh hoạt, đúng với các loại hình cây trồng, vật nuôi để nông hộ có điều kiện chuẩn bị tốt hơn cho vụ mùa của mình. Thực tế tham khảo tài liệu, các chuyên gia kinh tế cho rằng cần thực hiện cho vay lưu vụ đối với nông hộ. Theo hình thức này, hộ sản xuất sau một chu kỳ sản xuất chỉ cần trả hết lãi có thể xin vay lưu vụ để tiếp tục đầu tư cho chu kỳ sau mà không cần phải làm thủ tục lại từ đầu. Cho vay lưu vụ giúp các hộ sản xuất có điều kiện chủ động về vốn, giảm bớt các điều kiện phiền hà và gấn bó nông hộ với các tổ chức tín dụng hơn.

Cần quan tâm mở rộng các điều kiện cho vay: công nghiệp hóa hiện đại hóa nông thôn là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Ngày nay, quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa nông thôn được đẩy mạnh, nông thôn cũng đã được đa dạng hóa các ngành nghề, các loại sản phẩm dịch vụ. Do đó, các tổ chức tín dụng cần mở rộng hơn nữa các điều kiện vay vốn, không chỉ đầu tư cho sản phẩm cây trồng, con giống mà đầu tư cho các khâu dịch vụ, các sản phẩm làng nghề, thủ công, mỹ nghệ góp phần vào công cuộc chuyển dịch cơ cấu nông thôn đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa nông thôn.

Tăng hạn mức cho vay: Trong thực tế điều tra 150 hộ có vay từ nguồn chính thức thì có 53% trả lời là nguồn vốn vay không phù hợp với quy mô sản xuất. Ngân hàng chỉ đáp ứng trên dưới khoản 47% tổng chi phí sản xuất, hộ

phải đi vay thêm từ các cá nhân cho vay với mức lãi suất cao từ 5% - 10%, có khi vay nóng lãi suất lên đến 20% hoặc phải mua chịu phân bón, thuốc trừ sâu,...từ các đại lý vật tư nông nghiệp với mức giá cao. Từ thực tế ghi nhận, đề nghị ngân hàng tăng hạn mức cho vay đúng thực tế nhu cầu vốn sản xuất của nông hộ. Điều này không chỉ góp phần thúc đẩy sự phát triển của sản xuất và còn góp phần hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi bất hợp pháp ở một số địa phương.

Quy trình và thủ tục cho vay: Cần cải tiến cơ chế, thủ tục cho vay theo hướng đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, giảm bớt chi phí đi lại cho hộ giúp nông hộ dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng. Bên cạnh đó, rút ngắn công tác thẩm định, đào tạo cán bộ tín dụng chuyên nghiệp có khả năng đi sâu đi sát với quần chúng nắm bắt được nhu cầu vay vốn của nông hộ nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn vay cho nông hộ.

Áp dụng biện pháp tín chấp cho vay đối với nông hộ: Đối với ngân hàng tài sản thế chấp và điều kiện quan trọng khi cho vay nhưng đối với hộ không phải nông hộ nào cũng đủ điều kiện này. Vì vậy, có nhiều hộ muốn vay vốn nhưng lại không có tài sản thế chấp, họ thường là những người nông hộ nghèo thiếu tư liệu sản xuất, họ rất mong muốn được vay vốn để mua sắm tư liệu phục vụ sản xuất. Từ thực tế đó, ngân hàng cần phải xem xét cho vay tín chấp để hộ có vốn để đầu tư sản xuất góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của địa phương.

(Xem tiếp trang 81)